

HỒ SƠ NĂNG LỰC PROFILE



SOLARHOUSE

CÔNG TY TNHH PHƯƠNG HOÀNG



PHUONG HOANG

MỤC LỤC

I. SƠ LƯỢC VỀ CÔNG TY

1.1 LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HOẠT ĐỘNG

1.2 BỘ MÁY TỔ CHỨC

II. HỒ SƠ PHÁP LÝ

2.1 GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH

2.2 CÁC SẢN PHẨM CỦA PHƯỢNG HOÀNG

A. NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI

B. ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ

III. CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

HÌNH ẢNH CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU



SƠ LƯỢC VỀ CÔNG TY

1.1 LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HOẠT ĐỘNG:

Công ty TNHH Phương Hoàng được thành lập theo GPKD lần đầu ngày 11 tháng 5 năm 2010, đến nay Phương Hoàng đã trở thành nhà phân phối, đại lý số một về sản phẩm “ Pin năng lượng mặt trời”, “Điện năng lượng mặt trời”, “máy lạnh dân dụng và công nghiệp” của các hãng nổi tiếng trên thị thế giới như: Daikin, Aikibi, Toshiba, Panasonic, Retech... Hoạt động hơn 10 năm kinh nghiệm về lĩnh vực Điện tử - Điện lạnh, khi bước vào thị trường công ty TNHH Phương Hoàng đã nhanh chóng nắm bắt cơ hội, không ngừng cung cấp đổi mới kiểu dáng, công suất theo công nghệ hiện đại tiên tiến, chất lượng sản xuất đạt tiêu chuẩn nghiêm ngặt Châu Âu để phục vụ quý khách hàng tốt nhất.

- Thành lập vào năm 2005 là Cửa hàng Phân phối máy NN NL Mặt trời, Máy ĐHKK Daikin, Aikibi, Toshiba và chuyển ôi thành Công ty TNHH vào năm 2010.

- Thành lập Chi nhánh năm 2011 tại Thành phố Thủ Dầu Một Tỉnh Bình Dương. Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng, Thương mại và Dịch vụ.

- Chuyên cung cấp, tư vấn thi công lắp đặt, Bảo hành, bảo trì sửa chữa Điện Lạnh & Điện Công nghiệp, hệ thống Camera báo cháy báo trộm, Hệ thống chống sét, Điện chiếu sáng năng lượng Mặt trời, Máy Nước nóng năng lượng mặt trời.....tại các Tỉnh Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai và Đắc Nông, Vũng Tàu.

- Giấy chứng nhận kinh doanh trụ sở chính số: 3800669518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

- Giấy chứng nhận kinh doanh Chi nhánh số: 3800669518-002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

- Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng (hai mươi tỷ đồng) và Doanh thu trên 90.000.000.000 đồng (Chín mươi tỷ đồng.năm).

-Trụ sở chính tại 1364, Quốc Lộ 14, Phường Tiến Thành, TP. Đồng Xoài, Tỉnh. Bình Phước.

Các chi nhánh của công ty:

- **Chi nhánh 1 và showroom** tại 172, ĐLBD, Khu Phố 7, Phường Phú Hòa, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

- **Chi nhánh 2 và showroom** tại 192 Võ Văn Kiệt, Thành Phố Buôn Mê Thuật, DakLak.

- **Chi nhánh 3 và showroom** tại 40 Võ Nguyên Giáp, P.Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành Phố Cần Thơ.

Nhân sự trên 100 nhân viên với trình độ tốt nghiệp Cao ằng, Đại học và trên Đại học.

SẢN PHẨM CHÍNH MANG THƯƠNG HIỆU CÔNG TY VÀ PHÂN PHỐI CHO CÁC HÃNG UY TÍN TRÊN THẾ GIỚI GỒM:

- SOLAR PANEL (TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI) SOLARHOUSE.
- INVERTER ON GRID, OFF GRID, LINH KIỆN CUNG CẤP CHO ĐIỆN NLMT SOLARHOUSE
- MÁY NƯỚC NÓNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI SOLARHOUSE.
- MÁY LẠNH (MÁY ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ) DAIKIN, AIKIBI, TOSHIBA, MITSUBISHI ELETRIC .
- XỬ LÝ NƯỚC THẢI, MÁY LỌC NƯỚC, MÁY LỌC NƯỚC CÔNG NGHIỆP.
- TƯ VẤN, THIẾT KẾ, THI CÔNG CHO CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN.

Quý Công ty có thể tham khảo sản phẩm, hệ thống phân phối, bảo hành thông qua tài liệu đính kèm hoặc trang Website: www.phuonghoangco.com và www.solarhouse.com.vn **CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG:**

Nền tảng hoạt động của chúng tôi là “Chất lượng quyết định sự tồn tại và phát triển” đi cùng với Triết lý kinh doanh:

- Tư vấn đem lại lợi ích lớn nhất cho khách hàng là trách nhiệm.
- Trách nhiệm với cam kết, áp ứng ứng yêu cầu của khách hàng.
- Trân trọng Đối tác.

Với đội ngũ, nhân viên kỹ thuật lành nghề, nhiệt tình, sáng tạo và chuyên nghiệp. Được đào tạo, rèn luyện trong môi trường chuyên nghiệp đi lên cùng với những kinh nghiệm thu thập được trong quá trình thi công cùng với sự ủng hộ nhiệt tình từ mạng lưới khách hàng – Công ty chúng tôi đang ngày càng khẳng định mình trong lĩnh vực phân phối máy ĐHKK nhập từ các nước có nền Công nghiệp tiên tiến, máy Nước Nóng Năng Lượng Mặt Trời, Điện chiếu sáng Năng Lượng Mặt Trời là các sản phẩm tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường. Sứ mệnh của chúng tôi là: Mang lại sản phẩm chất lượng cao, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường đến cho mọi nhà.

Với mong muốn để sản phẩm của Công ty được người tiêu dùng yêu thích và ngày càng khẳng định giá trị của mình, trên tiêu chí lấy khách hàng làm trọng tâm, PHƯƠNG HOÀNG không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, thỏa mãn yêu cầu ngày càng cao của Khách hàng. PHƯƠNG HOÀNG nguyện là người bạn đáng tin cậy và là người đồng hành thủy chung của Khách hàng.

Phương châm của chúng tôi là: “Lấy uy tín, sự chuyên nghiệp, chất lượng sản phẩm, dịch vụ hậu mãi sau bán hàng và sự hài lòng của khách hàng làm mục tiêu để phát triển.”

Với một hướng đi đúng đắn cùng với sự nỗ lực không mệt mỏi, chúng tôi hy vọng rằng trong thời gian tới tiếp tục giành được sự ủng hộ và niềm tin của Quý Công ty.

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Công ty!

Trân trọng cảm ơn và kính chào!

CÔNG TY TNHH PHƯƠNG HOÀNG

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3800669518

Đăng ký lần đầu: ngày 11 tháng 05 năm 2010

Đăng ký thay đổi lần thứ: 9, ngày 24 tháng 02 năm 2020

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHƯỢNG HOÀNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số nhà 1364, Khu phố 3, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 02713.890002

Email:

Fax:

Website:

3. Vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	TRƯƠNG VĂN PHƯỢNG	Số nhà 1364, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	14.000.000.000	70,000	285114073	
2	TRƯƠNG VĂN MƯỜI	Áp K54, Xã Lộc Thiện, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	6.000.000.000	30,000	285114072	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TRƯƠNG VĂN PHƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 285114073

Ngày cấp: 20/11/2010

Nơi cấp: Công an tỉnh Bình Phước

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 1364, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 1364, Phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

TR. TRƯỜNG PHÒNG



Hải

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Duy Hải



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH**

Mã số chi nhánh: 3800669518-002

Đăng ký lần đầu, ngày 01 tháng 07 năm 2011

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 04 tháng 07 năm 2019

1. Tên chi nhánh:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH PHƯƠNG HOÀNG

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên chi nhánh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Số 172 Đại lộ Bình Dương, Khu phố 7, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0650.6521002

Fax: 0651.3898002

Email: *phuong_hoang396@yahoo.com*

Website: *www.phuonghoangco.com*

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: TRƯƠNG VĂN PHƯƠNG

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 1982

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 285114073

Ngày cấp: 20/11/2010

Nơi cấp: *Công an Bình Phước*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 1364 QL14, Xã Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 1364 QL14, Xã Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam*

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH PHƯƠNG HOÀNG

Mã số doanh nghiệp: 3800669518

Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 1364, ấp 3, Xã Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

K. **TRƯƠNG PHÒNG**
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Thanh Xuân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **B 01 – DN**
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NĂM)

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

[01] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH PHƯƠNG HOÀNG

[02] Mã số thuế: 3800669518

[03] Địa chỉ: 1364 ấp 3, xã Tiên Thành [04] Quận/Huyện: Đồng Xoài [05] Tỉnh/Thành phố: Bình Phước

[06] Điện thoại:

[07] Fax:

[08] E-mail:

BCTC đã được kiểm toán:

Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		42.082.811.744	28.734.793.346
I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112)	110		1.099.381.340	1.512.597.640
1. Tiền	111		1.099.381.340	1.512.597.640
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123)	120		0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn (131 + 132 + 133 + 134 + 135 + 136 + 137 + 139)	130		16.346.963.989	5.864.405.514
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		16.346.963.989	5.864.405.514
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132			0
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		0	0
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)	140		23.767.812.532	19.312.091.676
1. Hàng tồn kho	141		23.767.812.532	19.312.091.676
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác (150 = 151 + 152 + 153 + 154 + 155)	150		868.653.883	2.045.698.516
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		0	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		868.653.883	2.045.698.516
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		0	
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		11.909.206.074	10.291.622.275
I. Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 + 213 + 214 + 215 + 216 + 219)	210		7.398.380.000	5.398.380.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		7.398.380.000	5.398.380.000
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0

7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227)	220		4.510.826.074	4.872.703.299
1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)	221		4.510.826.074	4.872.703.299
- Nguyên giá	222		5.046.597.846	5.046.597.846
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-535.771.772	-173.894.547
2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229)	227		0	0
- Nguyên giá	228		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		0	0
III. Bất động sản đầu tư (230 = 231 + 232)	230		0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn (240 = 241 + 242)	240		0	0
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		0	0
V. Đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + 252 + 253 + 254 + 255)	250		0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		0	0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
VI. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 263 + 268)	260		0	20.538.976
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			20.538.976
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		53.992.017.818	39.026.415.621
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		18.395.478.821	14.184.262.822
I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 + ... + 322 + 323 + 324)	310		17.821.754.815	11.266.195.488
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		5.597.772.602	6.766.195.488
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		0	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		0	0
4. Phải trả người lao động	314		305.794.223	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		0	0
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		0	
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		11.918.187.990	4.500.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 + ... + 342 + 343)	330		573.724.006	2.918.067.334
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0

5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337		0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		573.724.006	2.918.067.334
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		35.596.538.997	24.842.152.799
I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 + ... + 420 + 421 + 422)	410		35.596.538.997	24.842.152.799
1. Vốn góp của chủ sở hữu (411 = 411a + 411b)	411		20.000.000.000	5.400.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		0	0
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		0	0
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421 = 421a + 421b)	421		15.596.538.997	19.442.152.799
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9.142.152.799	13.287.763.014
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.454.386.198	6.154.389.785
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430 = 431 + 432)	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		53.992.017.818	39.026.415.621

Bình Dương, ngày 24 tháng 02 năm 2019

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Trương Văn Phụng

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú:

- (1) Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại "Mã số" chỉ tiêu.
- (2) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).
- (3) Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì "Số cuối năm" có thể ghi là "31.12.X"; "Số đầu năm" có thể ghi là "01.01.X".
- (4) Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

 Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH PHỤNG HOÀNG.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2018

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH PHƯỢNG HOÀNG

[03] Mã số thuế: 3800669518

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		82.718.070.643	76.266.940.686
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.321.114.489	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		80.396.956.154	76.266.940.686
4. Giá vốn hàng bán	11		64.036.804.746	59.110.367.896
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		16.360.151.408	17.156.572.790
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		37.949.009	84.240.000
7. Chi phí tài chính	22		1.371.172.453	928.559.163
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.371.172.453	928.559.163
8. Chi phí bán hàng	25		4.447.837.083	6.429.011.939
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2.226.121.562	1.781.608.436
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		8.352.969.319	8.101.633.252
11. Thu nhập khác	31		82.614.805	129.216.722
12. Chi phí khác	32		367.601.376	340.606.662
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-284.986.571	-211.389.940
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		8.067.982.748	7.890.243.312
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.613.596.550	1.735.853.529
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		6.454.386.198	6.154.389.783
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		0	0

Bình Dương, ngày 24 tháng 02 năm 2019

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Trương Văn Phượng

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

(*) Chi áp dụng tại công ty cổ phần

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **B 01 – DN**
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NĂM)

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

[01] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH PHƯƠNG HOÀNG
[02] Mã số thuế: 3800669518
[03] Địa chỉ: Số nhà 1364, ấp 3, Xã Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
[04] Quận/Huyện: Đồng Xoài
[05] Tỉnh/Thành phố: Bình Phước
[06] Điện thoại:
[07] Fax:
[08] E-mail:
BCTC đã được kiểm toán:
Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	MÃ SỐ	T.MINH	SỐ NĂM NAY	SỐ NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		47.941.079.110	42.082.811.744
I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110=111+112)	110		4.887.489.793	1.099.381.340
1. Tiền	111	V.01	4.887.489.793	1.099.381.340
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (120=121+129)	120	V.02	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 + 133 + 134 + 135 + 139)	130		19.353.305.717	16.346.963.989
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		15.358.083.944	16.346.963.989
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	3.965.909.531	-
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		29.312.242	-
8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)	140		21.322.324.338	23.767.812.532
1. Hàng tồn kho	141	V.04	21.322.324.338	23.767.812.532
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác (150 = 151 + 152 + 154 + 158)	150		2.377.959.262	868.653.883
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		253.003.884	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.074.546.004	868.653.883
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153	V.05	50.409.374	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		12.617.639.012	11.909.206.074
I- Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 + 213 + 218 + 219)	210		7.398.380.000	7.398.380.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		7.398.380.000	7.398.380.000
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214	V.06	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	216	V.07	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227 + 230)	220		5.219.259.012	4.510.826.074
1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)	221	V.08	5.213.259.012	4.510.826.074
- Nguyên giá	222		6.158.281.414	5.046.597.846

TÀI SẢN	MÃ SỐ	T.MINH	SỐ NĂM NAY	SỐ NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(945.022.402)	(535.771.772)
2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)	224	V.09	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229)	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư (240 = 241 + 242)	230	V.12	-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	6.000.000	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		6.000.000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + 252 + 258 + 259)	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13	-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 268)	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		60.558.718.122	53.992.017.818
NGUỒN VỐN				
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		27.236.081.127	18.395.478.821
I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 + ... + 319 + 320 + 323)	310		27.236.081.127	18.395.478.821
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	4.884.777.788	5.597.772.602
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		19.042.653	-
4. Phải trả người lao động	314	V.16	387.754.979	305.794.223
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	V.17	-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		(13.740.958)	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	21.958.246.665	12.491.911.996
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 + ... + 338 + 339)	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.19	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả dài hạn nội bộ	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.21	-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

TÀI SẢN	MÃ SỐ	T.MINH	SỐ NĂM NAY	SỐ NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		33.322.636.995	35.596.538.997
I. Vốn chủ sở hữu	410		33.322.636.995	35.596.538.997
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.322.636.995	15.596.538.997
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.322.636.995	15.596.538.997
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
2. Nguồn kinh phí	431	V.23	-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		60.558.718.122	53.992.017.818

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2020
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Trương Văn Phương

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú:

- Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại "Mã số" chỉ tiêu.
- Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).
- Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì "Số cuối năm" có thể ghi là "31.12.X"; "Số đầu năm" có thể ghi là "01.01.X".
- Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH PHƯƠNG HOÀNG.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số: **B 02**
- DN
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC Ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2019

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH PHƯỢNG HOÀNG

[03] Mã số thuế: 3800669518

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	98.242.223.976	82.718.070.643
2. Các khoản giảm trừ	02		1.328.862.583	2.321.114.490
- Giảm trừ sau khi bán			-	
- Giảm trừ giá bán			1.328.862.583	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		96.913.361.393	80.396.956.153
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	78.069.802.176	64.036.804.746
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		18.843.559.217	16.360.151.407
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	25.488.725	37.949.009
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	2.834.214.953	1.371.172.453
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		2.834.214.953	1.371.172.453
8. Chi phí bán hàng	24		-	4.447.837.083
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.889.134.132	2.226.121.562
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21- 22)- (24 + 25)]	30		7.145.698.857	8.352.969.318
11. Thu nhập khác	31		82.269.283	82.614.805
12. Chi phí khác	32		173.007.559	367.601.376
13. Lợi nhuận khác (40= 31 - 32)	40		(90.738.276)	(284.986.571)
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.054.960.581	8.067.982.747
15. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	51	VI.30	1.410.992.116	1.613.596.549
16. Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại	52	VI.30	-	
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		5.643.968.465	6.454.386.198

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2020
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Trương Văn Phượng

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

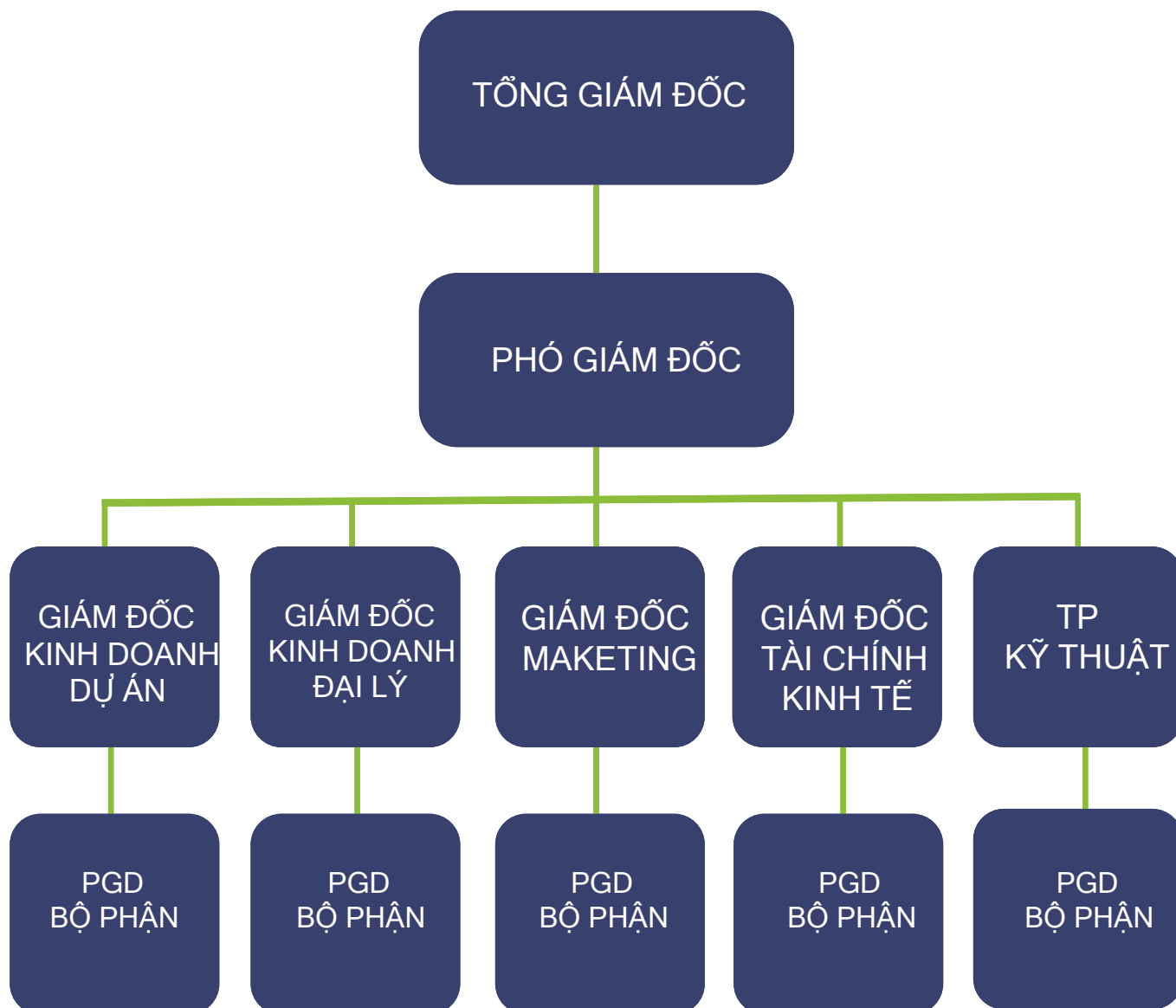
Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH PHƯỢNG HOÀNG.

CƠ CẤU TỔ CHỨC ĐỊNH HƯỚNG VÀ LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

CƠ CẤU TỔ CHỨC:



Cơ cấu tổ chức trong công ty được bố trí theo mô hình chiến lược do Ban Giám đốc đề ra với phương châm “Đơn giản – Hiệu quả”, Phương Hoàng chú trọng vào chuyên môn hóa và sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận và phòng ban hỗ trợ.

Cơ cấu tổ chức phân theo chức năng quản lý và điều hành chặt chẽ theo mô hình thông tin hai chiều tương tác hợp lý. Cho phép mệnh lệnh cấp cao nhất được truyền đi theo con đường ngắn nhất, rõ ràng nhất tới mọi nhân viên, do đó công việc được triển khai đúng mục tiêu, đúng người, đúng việc. Thêm vào đó, đội ngũ nhân lực có trình độ, chuyên nghiệp, các đối tác uy tín



Chúng tôi.

*Công Ty TNHH Phương Hoàng không ngừng
cung cấp đổi mới kiểu dáng, công suất theo công nghệ
hiện đại tiên tiến, chất lượng sản xuất đạt tiêu chuẩn nghiêm
ngặt Châu Âu để phục vụ quý khách hàng tốt nhất.*

Phương châm kinh doanh

Với phương châm làm việc “ uy tín, chuyên nghiệp và chất lượng”. Khách hàng là giá trị cơ bản, chính sách “ khách hàng là trung tâm” chỉ lối cho mọi hoạt động của công ty. Chúng tôi lắng nghe, thấu hiểu nhu cầu của khách hàng và vận dụng kinh nghiệm, kỹ năng, Tư duy của mình để phục vụ và làm thỏa mãn nhu cầu sử dụng đó,

Phượng Hoàng thiết lập hệ thống phân phối rộng trên toàn quốc xem đó là xương sống cho chiến lược kinh doanh dài hạn nhằm phục vụ nhu cầu sử dụng điện cho người dân trên toàn quốc nhằm góp phần xây dựng đời sống tinh thần và vật chất ở những nơi khó khăn được cải thiện hơn. Hiện nay, công ty là nhà phân phối chính cho hơn 500 đại lý lớn nhỏ trên toàn quốc với giá cả cạnh tranh trên thị trường, Với trang thiết bị hiện đại, cùng đội ngũ quản lý, chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp, đội ngũ kỹ thuật lành nghề, Công ty TNHH Phượng Hoàng mang đến những sản phẩm có chất lượng cao, Tiến độ giao hàng đảm bảo, giá thành hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu và nhu cầu khác nhau của khách hàng.

Định hướng Lĩnh vực hoạt động công ty

Giữ vững và ngày càng tăng tốc độ phát triển mọi chỉ tiêu, doanh số, nhân lực, giá trị thương hiệu, số lượng sản phẩm cung cấp. Thế mạnh đã làm nên thương hiệu công ty đó là sự chuyên môn hóa cho từng bộ phận, tính trách nhiệm cao cùng những giám sát kỹ thuật làm việc nghiêm túc, cẩn thận sẽ mang tới những sản phẩm uy tín – chất lượng nhất. Phượng Hoàng đã nỗ lực cả về nhân lực, vật lực để xây dựng thương hiệu uy tín, xây dựng niềm tin tới khách hàng với những sản phẩm chúng tôi cung cấp. Sự tin tưởng và ủng hộ của quý khách hàng là nguồn động viên lớn trên bước đường phát triển của Phượng Hoàng. Chúng tôi sẽ không ngừng hoàn thiện để phục vụ khách hàng với những sản phẩm tốt nhất để xứng đáng với những niềm tin đó.

Với muốn được phục vụ quý khách hàng ngày càng chu đáo hơn, chúng tôi luôn sẵn sàng tiếp nhận và biết ơn mọi sự đóng góp của khách hàng.

NHÂN SỰ:

Công ty TNHH Phượng Hoàng luôn chú trọng đến việc phát triển và nâng cao chất lượng nhân sự mỗi ngày ể nâng cao chất lượng phục vụ, chăm sóc khách hàng. Hiện nay công ty chúng tôi có đội ngũ nhân viên dồi dào giàu kinh nghiệm ử sức áp ứng cho các dự án iện năng mặt trời cho toàn khu vực miền Nam nói riêng và với hơn 4 chi nhánh: Bình Phước, Bình Dương, Cần Thơ, Đălăk và hàng ngàn đại lý trên toàn quốc ang hoạt động phân phối và bảo dưỡng Pin năng

lượng mặt trời... Vì thế chúng tôi có nguồn nhân lực dồi dào áp ứng nhưng cầu phát triển của công ty với hơn:

- 12 Kỹ sư và Quản lý trình độ Đại học trở lên
- 20 Nhân viên văn phòng và kinh doanh
- 100 Kỹ thuật và công nhân bậc trung cấp và lao động phổ thông thi công lắp ặt bảo dưỡng trong lĩnh vực cơ iện. tập trung các chi nhánh của công ty.
- 50 Kỹ thuật thi công bảo dưỡng tại chi nhánh Bình Dương.

Bảng nhân sự chủ chốt cho mảng thi công dự án Cơ điện NLMT chi nhánh Bình Dương

STT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	CHUYÊN NGHÀNH	NĂM KINH NGHIỆM	CHỨC VỤ
1	Trương Văn Phương	1982	Kỹ sư Nhiệt	15	Giám đốc
2	Trương Hồng Phúc	1988	Kỹ sư Nhiệt - Lạnh	8	Giám đốc dự án
3	Nguyễn Văn Phú	1979	Thạc sĩ	16	Giám đốc tài chính
4	Nguyễn Hùng Trí	1989	Cử nhân kinh doanh	8	Giám đốc kinh doanh
5	Lưu Thị Cẩm Tú	1995	Cử nhân	3	Chuyên viên cung ứng Hàng hóa vật tư
6	Hồ Nhật Bảo	1990	Kỹ Sư Điện Công Nghiệp	5	Giám sát kỹ thuật Điện
7	Ngô Đức Hùng	1995	Kỹ sư xây dựng	2	Giám sát kỹ thuật
8	Võ Đại Hân	1981	Kỹ Sư Tự Động Hóa	7	Giám sát kỹ thuật
9	Trần Văn Tú	1995	Kỹ Sư Điện	3	Giám sát kỹ thuật
10	Nguyễn Thành Vinh	1996	Kỹ Sư Điện	3	Giám sát kỹ thuật
11	Nguyễn Hữu Hoàng	1988	Cao đẳng điện	7	Đội trưởng kỹ thuật
12	Nguyễn Thành Sơn	1993	Cao đẳng điện	4	Đội trưởng kỹ thuật
13	Nguyễn Hoàng Đạt	1990	Kỹ Sư Nhiệt	8	Giám sát kỹ thuật , QA &QC
14	Công nhân thi công... 50 người	NA	Trung Cấp - Lao động phổ thông	50	Nhân viên thi công



Thanh Trượt Gia Cố



Kẹp giữa pin năng lượng mặt trời



Con trượt

Sử dụng nhôm 304 trong các vật tư phụ kiện và 1 lớp sơn tĩnh điện giúp chống rỉ sét và ăn mòn bởi thời tiết.



Kẹp biên pin năng lượng mặt trời

Sản xuất vật tư lắp công trình



Ốc JSJI A2-70 dài



Ốc JSJI A2-70 ngắn

Cung cấp cho rất nhiều dự án, công trình
rộng khắp cả nước.



Miếng Đệm Cao Su



Lông Đền

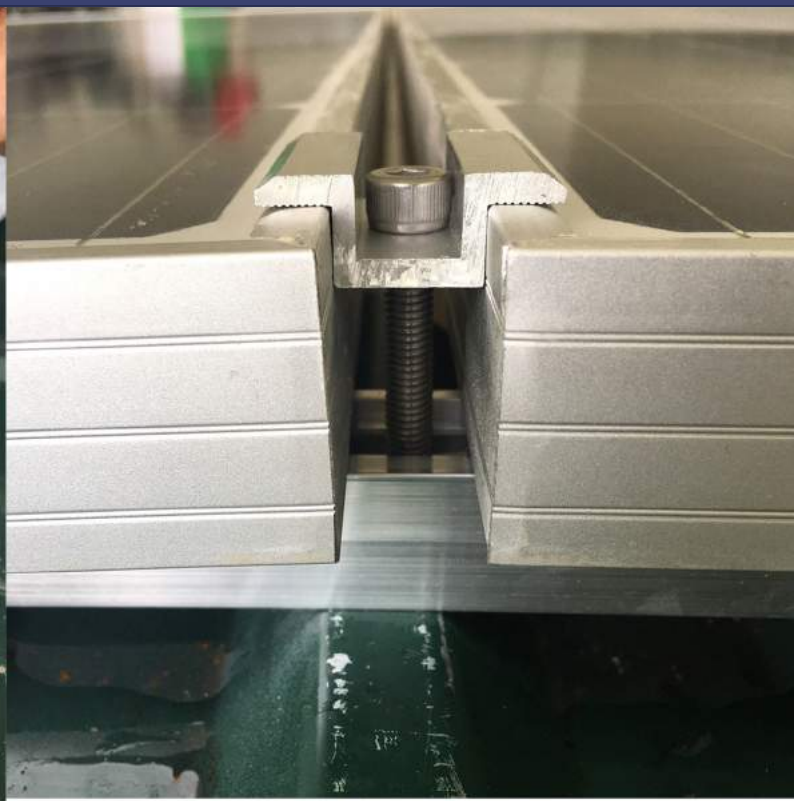
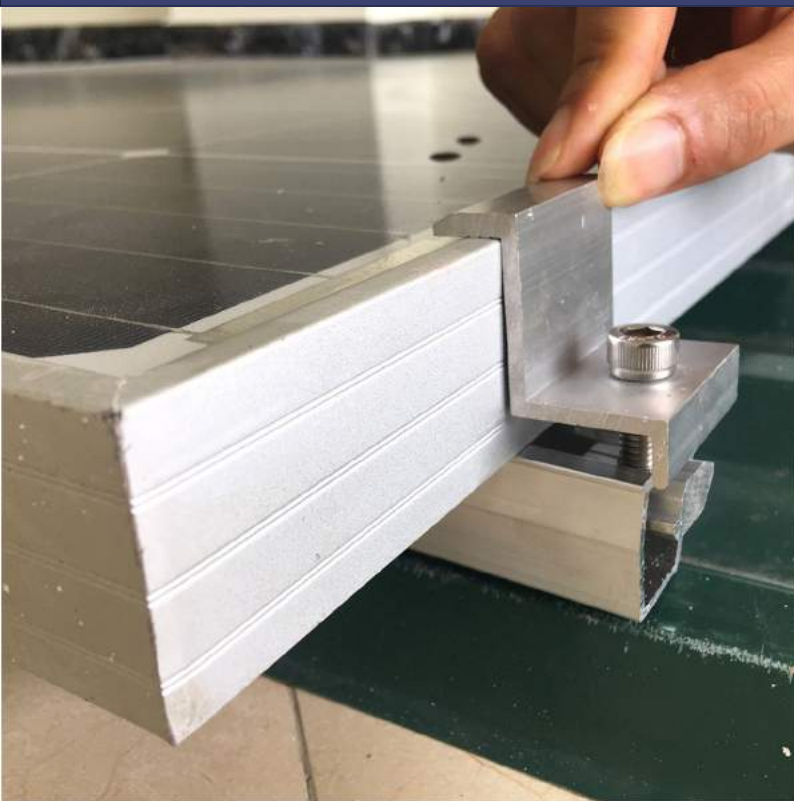
Sản xuất vật tư lắp công trình



Lắp Đặt Khung Dàn Trước Khi Lên Pin



Các vật tư kẹp biên, kẹp giữa thanh nhôm khi lắp đặt



Lắp Các Vật Tư Do Phượng Hoàng Sản Xuất

MỘT SỐ DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI



HỆ THỐNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI ÁP MÁI



Hệ thống hòa lưới cung cấp sản lượng điện tối đa giúp tiết kiệm chi phí điện



HỆ THỐNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI CÔNG NGHIỆP



PHUONG HOANG



PHUONG HOANG



THI CÔNG HỆ THỐNG NĂNG LƯỢNG CÔNG NGHIỆP



ĐỘI THI CÔNG DỰ ÁN

BẢNG THỐNG KÊ MỘT SỐ HỢP ĐỒNG HỆ THỐNG PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI ÁP MÁI.

STT	Tên Hợp Đồng	Tên Dự Án	Tên Chủ Đầu Tư	Số Lượng Pin	Số Lượng Inverter	Giá Hợp Đồng
1	Hợp đồng kinh tế	Cung cấp và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời áp mái 2Mwp	Công ty TNHH Solar E	2000 tấm pin 380w	26 inverter 75kw	24,863,3 00.000
2	Hợp đồng kinh tế	Cung cấp pin năng lượng mặt trời 600kwp	Công Ty Cổ Phần Solar Giang Sơn	1333 tấm pin 450w	-	3,359,160,000
3	Hợp đồng kinh tế	Thí điểm lắp đặt hệ thống đèn công cộng	Công Ty Cổ Phần Quản Lý Xây Đường Bộ Khánh Hòa	376 pin 100w 266 pin 150w	19 hybrid 125-500 VDC 24 hybrid 40-1150 VDC	3,772,108,000
4	Hợp đồng mua bán	Hệ thống pin năng lượng mặt trời chiếu sáng	Công Ty TNHH Nông Nghiệp Sạch Nhật Tâm Minh	51685 pin 450w	184 inverter 110kw	379,500,000,000
5	Hợp đồng mua bán	Cung cấp vật từ hệ thống pin năng lượng mặt trời 2Mwp	Công Ty TNHH Gõ Đại Kinh Bắc	3918 pin 450w	14 inverter 100kw	16,248,850,000
6	Hợp đồng mua bán	Cung cấp vật từ hệ thống pin năng lượng mặt trời 500kwp	Công ty Cổ Phần Tư Vấn Đầu Tư Tuấn Văn	1124 pin 450w	4 inverter 100kw 1 inverter 60kw	4,500,000,000
7	Hợp đồng mua bán	Cung cấp vật từ hệ thống pin năng lượng mặt trời 2Mwp	Công ty Cổ Phần Tư Vấn Đầu Tư Tuấn Văn	4494 pin 445w	20 inverter 100kw	22,241,066,720
8	Hợp đồng mua bán	Cung cấp và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời áp mái 2Mwp	Công ty TNHH MTV Song vũ Huy Hoàng	4494 pin 445w	20 inverter 100kw	22,241,066,720
9	Hợp đồng mua bán	Cung cấp và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời áp mái 1Mwp	Công ty TNHH Solar Phương Hoàng	2297 pin 445w	10 inverter 100kw	11,120,533,360
10	Hợp đồng mua bán	Cung cấp và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời áp mái 1Mwp	Công ty TNHH Phương Hoàng Solar House	2297 pin 445w	10 inverter 100kw	11,120,533,360
11	Hợp đồng mua bán	Cung cấp và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời áp mái 1Mwp	Công ty TNHH Điện Năng lượng Phương Hoàng	2297 pin 445w	10 inverter 100kw	11,120,533,360

BẢNG THỐNG KÊ MỘT SỐ HỢP ĐỒNG HỆ THỐNG PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI ÁP MÁI.

STT	Tên Hợp Đồng	Tên Dự Án	Tên Chủ Đầu Tư	Số Lượng Pin	Số Lượng Inverter	Giá Hợp Đồng
11	Hợp đồng mua bán	Cung cấp và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời áp mái 1Mwp	CÔNG TY TNHH GỖ XUÂN MẠNH	2297 tấm pin 445w	10 inverter 100kw	11,120,533.360
12	Hợp đồng mua bán	Cung cấp và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời áp mái 1Mwp	CÔNG TY TNHH SONG VŨ NAM TIẾN PHÁT	2297 tấm pin 445w	10 inverter 100kw	11,120,533.360
13	Hợp đồng mua bán	Cung cấp và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời áp mái 10Mwp	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ TUẤN VẤN	22222 tấm pin 450w	100 inverter 100kw	92,100,333.600
14	Hợp đồng mua bán	Cung cấp pin năng lượng mặt trời 4Mwp	CÔNG TY TNHH MTV DAMINTECH	8889 tấm pin 450w	-	22,400,280.000
15	Hợp đồng mua bán	Cung cấp và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời áp mái 1Mwp	CTY TNHH MTV SONG VŨ HUY HOÀNG	2222 tấm pin 450w	9 inverter 100kw	10,900,533.360
16	Hợp đồng mua bán	Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời áp mái 1Mwp	Cty TNHH MTV Hòa Phú vĩnh Long
17	Hợp đồng mua bán	Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời áp mái 1Mwp	Nguyễn Văn Hiền	2000 tấm pin 450w	9 inverter 100 kw	6,800,000,000
18	Hợp đồng mua bán	Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời áp mái 1Mwp	Nguyễn Văn Hiền	2200 tấm pin 450w	10 inverter 100 kw	7,438,100,000
19	Hợp đồng mua bán	Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời áp mái 1,2Mwp	Cty TNHH Quốc Cường Bình Phước	2666 tấm pin 450w	9 inverter 100 kw	11,564,887,420
20	Hợp đồng mua bán	Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời áp mái 2Mwp	Cty TNHH TM DV Đầu Tư Tấn Tài	2197 tấm pin 455w	9 inverter 110 kw	12,700,000,000

BẢNG THỐNG KÊ MỘT SỐ HỢP ĐỒNG HỆ THỐNG PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI ÁP MÁI.

STT	Tên Hợp Đồng	Tên Dự Án	Chủ Đầu Tư	Số Lượng Pin	Số Lượng Inverter	Giá Hợp Đồng
21	Hợp đồng mua bán	Cung cấp và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời áp mái 1Mwp	CÔNG TY TNHH GỖ XUÂN MẠNH	2222 tấm pin 445w	08 Inverter 100kw	9,260,000,000
22	Hợp đồng mua bán	Cung cấp và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời áp mái 1Mwp	CÔNG TY TNHH TM DV XD CƯỜNG PHÚ	2197 tấm pin 455w	09 inverter 110kw	12,700,000,000
23	Hợp đồng mua bán	Cung cấp và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời áp mái 1Mwp	CÔNG TY TNHH TM DV ĐẦU TƯ TẤN TÀI	2197 tấm pin 455w	09 inverter 110kw	12,700,000,000
24	Hợp đồng mua bán	Cung cấp và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời áp mái 4Mwp	CÔNG TY TNHH NHÔM ĐÔNG PHONG	8889 tấm pin 450w	32 inverter 110kw	36,400,000,000
25	Hợp đồng mua bán	Cung cấp và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời áp mái 1.2Mwp	CÔNG TY TNHH QUỐC CƯỜNG BÌNH PHƯỚC	2666 tấm pin 450w	09 inverter 110kw	11,564,000,000
26	Hợp đồng mua bán	Cung cấp và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời áp mái 1Mwp	CÔNG TY TNHH CHẤN HƯNG GIA	2222 tấm pin 450w	08 inverter 110kw	9,600,000,000
27	Hợp đồng mua bán	Cung cấp và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời áp mái 1Mwp	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG GOLD SWORD	2247 tấm pin 445w	09 inverter 110kw	10,830,000,000
28	Hợp đồng mua bán	Cung cấp và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời áp mái 1Mwp	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG WOOD BLUE	2247 tấm pin 445w	09 inverter 110kw	8,918,000,000
29	Hợp đồng mua bán	Cung cấp và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời áp mái 1Mwp	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HÀ THÀNH THẢO	2000 tấm pin 500w	08 inverter 110kw	9,850,000,000
30	Hợp đồng mua bán	Cung cấp và lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời áp mái 1Mwp	CÔNG TY TNHH SOLAR ĐỒNG TÂM	2247 tấm pin 445w	08 inverter 110kw	16,000,000,000

DỊCH VỤ

Cung cấp đến quý khách hàng dịch vụ trọn gói - chìa khóa trao tay, bao gồm các hạng mục từ tư vấn, khảo sát, thiết kế phân tích đầu tư cho đến thi công lắp đặt, vận hành và bảo hành bảo trì.

* Tư vấn đầu tư

- Giới thiệu các giải pháp, thiết bị và công nghệ

- Tư vấn giải pháp hiệu quả nhất với nhu cầu và điều kiện của khách hàng.

- Chủ đầu tư sẽ biết rõ sông suất tối đa có thể lắp đặt và sản lượng dự kiến mà hệ thống mang lại đồng thời có những số liệu cụ thể cho bài toán đầu tư.



* Khảo sát & Thiết kế

- Các chuyên gia tiến hành khảo sát thực địa, phân tích điều kiện ánh sáng, bóng phủ, diện tích và góc nghiêng để có thể tối ưu hóa hệ thống.

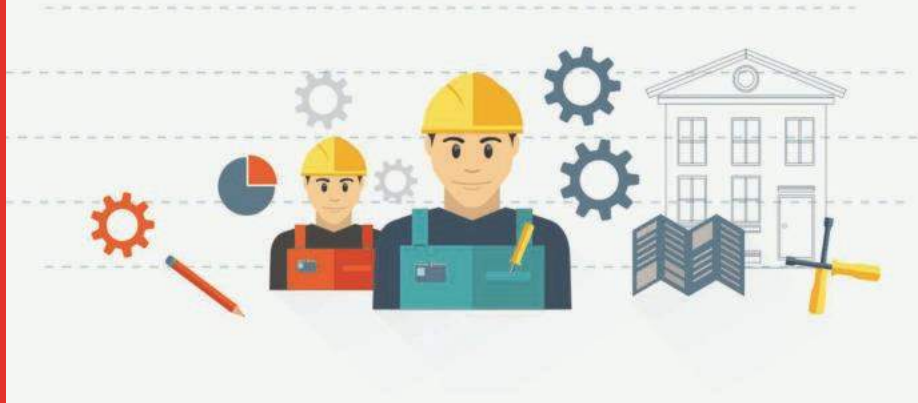
- Kết quả khảo sát được các kỹ sư lên cấu hình, thiết kế hệ thống, đồng thời tính toán điểm hoàn vốn và phân tích tài chính.



* Thi công lắp đặt

- Đội ngũ thi công của công ty phượng hoàng trực tiếp triển khai lắp đặt, đảm bảo tính nhất quán với bản thiết kế.

- Bộ phận quản lý dự án kiểm tra, giám sát thi công, theo dõi tiến độ dự án cùng chủ đầu tư nghiệm thu hệ thống.



THÔNG TIN LIÊN HỆ



PHUONG HOANG

CÔNG TY TNHH PHUỘNG HOÀNG

172, ĐLBD, khu phố 7, phường Phú Hòa,
Tp.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Liên Hệ: 0933.701.115 - 0933.701.112
Website: www.phuonghoanggroup.com.vn

SOLARHOUSE

CÔNG TY TNHH PHƯƠNG HOÀNG

Trụ Sở: 1364 Quốc lộ 14, Thị Xã Đồng Xoài, Bình Phước

CN 1: 172 ĐLBình Dương, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương

CN 2: 192 Võ Văn Kiệt, TP Buôn Mê Thuật, DakLak

CN 3: 40 Võ Nguyên Giáp, P Phú Thứ, Q Cái Răng, Cần Thơ

Liên Hệ: 0933.701.115 - 0933.701.112

Website: www.phuonghoanggroup.com.vn



Trụ sở chính, 1364, Quốc Lộ 14, Tiến Thành, Tx. Đồng Xoài, Tỉnh. Bình Phước

Chi nhánh 1, 172, ĐLBĐ, Khu Số 172, Phường Phú Hòa, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Chi nhánh 2, 192 Võ Văn Kiệt, Thành Phố Buôn Mê Thuật, DakLak

Chi nhánh 3, 40 Võ Nguyên Giáp, P. Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành Phố Cần Thơ

Liên Hệ: 0933.701.115 - 0933.701.112

Website: www.phuonghoanggroup.com.vn